

Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội

Hoàng Văn Vân*

*Khoa Sau Đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 02 năm 2008

Tóm tắt. Bài viết giải thích tại sao chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) vẫn còn thấp kém. Hai câu hỏi được đặt ra để nghiên cứu là (1) “Chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN có thực sự thấp kém không?” và (2) “Những nguyên nhân nào gây ra sự thấp kém trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN?” Chi tiết về nội dung trả lời hai câu hỏi trên sẽ được trình bày trong các mục của bài viết.

1. Đặt vấn đề

Dạy tiếng Anh không chuyên [1] ở các trường đại học Việt Nam được bắt đầu từ phần sau của thế kỉ 20. Hiện nay, tiếng Anh là ngoại ngữ quan trọng nhất chiếm ưu thế hầu như tuyệt đối trong giáo dục ngoại ngữ ở các trường đại học Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến tận thời điểm này của bài viết, chưa có một công trình đáng kể nào nghiên cứu về chất lượng đào tạo tiếng Anh ở các trường đại học Việt Nam nói chung và ở ĐHQGHN nói riêng. Đâu đó người ta chỉ nghe thấy những nhận xét cảm tính từ những cá nhân có những góc nhìn vấn đề rất khác nhau: “Chất lượng kém, không đáp ứng được yêu cầu hiện tại của xã hội”. Vậy, “Chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở các trường đại học Việt Nam nói chung và ở

ĐHQGHN nói riêng có thực sự kém không?” Nếu có thì “Những nguyên nhân nào gây ra chất lượng yếu kém trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN?” Trả lời câu hỏi thứ nhất, chúng tôi sẽ trình bày một phần của công trình nghiên cứu do nhóm nghiên cứu thuộc Đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN, Mã số QGTĐ 0511 tiến hành trong năm học 2006 - 2007. Trả lời câu hỏi thứ hai, chúng tôi sẽ trình bày một phần hiện trạng của dạy học tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN, nêu bật những nguyên nhân có thể gây ra chất lượng thấp kém trong đào tạo tiếng Anh không chuyên. Phần cuối cùng, chúng tôi sẽ tóm tắt lại những nội dung chính thảo luận trong bài viết, đề xuất một số khuyến nghị nhằm khắc phục những tồn tại trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo môn học này, đáp ứng nhu cầu hội nhập giáo dục đại học khu vực và toàn cầu hóa.

* ĐT: 84-4-7547716

E-mail: vanhvv@vnu.edu.vn

2. Trình độ tiếng Anh đầu vào đa dạng và không đồng đều, chất lượng đầu vào thấp, tiếng Anh không phải là môn thi tuyển đầu vào

Để có được nhận định về trình độ tiếng Anh đầu vào đa dạng và không đồng đều của sinh viên năm thứ nhất, ĐHQGHN, nhóm nghiên cứu thuộc Đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN, Mã số QGTĐ 0511 đã tiến hành một cuộc điều tra trên diện rộng về tình hình dạy-học tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN và một nghiên cứu nhỏ, kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên năm thứ nhất, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN. Cuộc điều tra được thực hiện thông qua công cụ phiếu hỏi gồm 25 câu trong đó có câu hỏi 3 tìm hiểu thời lượng sinh viên ĐHQGHN đã được học tiếng Anh ở trung học phổ thông (THPT). Kết quả cho thấy trong số 3663 sinh viên năm thứ nhất của ĐHQGHN năm học 2006 - 2007 trả lời câu hỏi, 1730 sinh viên trả lời đã được học 300 tiết tiếng Anh ở THPT (hệ 3 năm), chiếm 62,48%; 936 sinh viên trả lời đã được học 700 tiết ở THPT (hệ 7 năm), chiếm 27,7%; 104 sinh viên trả lời đã được học 1100 tiết ở THPT (hệ chuyên); số còn lại 857 sinh viên hoặc không được học tiếng Anh hoặc được học những ngoại ngữ khác, chiếm khoảng 23%.

Để có được nhận định rằng trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên ĐHQGHN thấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghệ năm học 2006 - 2007. Công việc kiểm tra được thực hiện thông qua hình thức thi để chọn ra 25 sinh viên tham dự lớp tiếng Anh dạy thử nghiệm theo nội dung và phương pháp mà nhóm nghiên cứu của đề tài đề xuất. Quy trình kiểm tra được tiến hành như sau: Chủ trì Đề tài xin phép và nhờ Trường Đại học Công nghệ thông báo rộng rãi bằng văn bản xuống từng lớp học năm thứ nhất của các

khoa trong trường về chủ trương của Đề tài muốn tuyển một lớp tiếng Anh dạy thử nghiệm miễn phí cho sinh viên năm thứ nhất của trường ở trình độ tiền trung cấp (pre-intermediate). Trong số 526 sinh viên của Trường Đại học Công nghệ, 113 sinh viên đăng kí xin học lớp thử nghiệm. Khi có danh sách 113 sinh viên đăng kí, nhóm nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 60 sinh viên để dự thi. Bài thi tiếng Anh được lấy từ một bài trong Key English Test (KET). KET là bài thi ở trình độ thứ nhất trong thang năm trình độ của hệ thống thi CESLE (Tiếng Anh Cambridge như là ngôn ngữ thứ hai - Cambridge English as a Second Language Examinations), một hệ thống thi tiếng Anh có uy tín trên thế giới hiện nay. Giống như các hệ thống thi tiếng Anh theo mô hình Anh, KET kiểm tra khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của người học dưới hai hình thức kiểm tra nói và viết theo bốn khu vực kĩ năng: nghe, nói, đọc, và viết. Kiểm tra các kĩ năng nghe, đọc, và viết được tổ chức thành một buổi và kiểm tra kĩ năng nói được tổ chức thành một buổi. Bài kiểm tra viết gồm 60 câu hỏi trong đó kĩ năng nghe 30 câu, kĩ năng đọc hiểu 20 câu, và kĩ năng viết lại câu 10 câu. Bài kiểm tra kĩ năng nói gồm ba phần: thí sinh tự giới thiệu về mình, thí sinh nhìn tranh và trả lời câu hỏi, và thí sinh nói tự do về một vấn đề theo yêu cầu (có gợi ý bằng tranh ảnh hoặc số liệu...). Quá trình tổ chức và chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo đúng những hướng dẫn của KET. Vì đây là bài thi để kiểm tra trình độ đầu vào cho nên thí sinh cảm thấy thoải mái, làm bài nghiêm túc, không coi cốp và trao đổi. Trong 60 thí sinh dự thi viết, sau khi chấm 12 thí sinh không đạt được trình độ theo yêu cầu (do điểm quá thấp so với trình độ mà lớp dạy thử nghiệm yêu cầu) nên bị loại ra khỏi danh sách. Trong số 48 thí sinh còn lại, nhóm nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 25

thí sinh để dự thi kỹ năng nói. Kết quả của hai bài thi viết và nói cho thấy trong số 25 thí sinh, chỉ có 1 thí sinh đạt điểm tổng 7,5/10 cho bốn khu vực kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Điều đáng ngạc nhiên nhất là chỉ có khoảng 30% thí sinh đạt điểm 5/10 trở lên cho hai kỹ năng nghe và nói. Kế theo đó là kỹ năng viết câu tiếng Anh khoảng 35%. Những kết quả này khẳng định cho nhận định rằng chất lượng đầu vào môn tiếng Anh của sinh viên ĐHQGHN thấp là đúng và nhận định này cũng có thể được áp dụng cho sinh viên các trường đại học khác ở Việt Nam. (Chi tiết hơn về quy trình, nội dung và kết quả thi đầu vào, xin xem [2,3]).

Giống như nhiều trường đại học khác ở Việt Nam, để được vào học đại học, sinh viên phải thi đầu vào và phải đạt điểm chuẩn nhất định cho ba môn thi theo khối mà mình tham dự. Vì vậy có thể nói rằng ở một mức độ nào đó, sinh viên của ĐHQGHN có trình độ và kiến thức phổ thông khá đồng đều. Tuy nhiên, với tiếng Anh thì tình hình dường như ngược lại. Trừ một số ít sinh viên thi khối D (gồm ba môn toán, văn, và ngoại ngữ), đa số sinh viên của ĐHQGHN không thi đầu vào bằng tiếng Anh. Điều này khẳng định chất lượng đầu vào không đồng đều của họ. Mặc dù ở một số đơn vị đào tạo ở ĐHQGHN có tổ chức kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên năm thứ nhất sau khi nhập trường, nhưng do những lý do quản lý và tổ chức, việc dạy theo các nhóm trình độ vẫn không được triển khai, nếu có thì việc triển khai cũng chưa được thực hiện một cách phù hợp. Bức tranh chung vẫn là tất cả sinh viên thuộc các nhóm trình độ khác nhau đều phải bắt đầu học tiếng Anh từ đầu, cùng một trình độ. Việc làm này gây lãng phí không nhỏ trong đào tạo, làm mất đi động cơ học tập tiếng Anh của những sinh viên đã có một trình độ tiếng Anh nào đó, làm nản chí và gây hoang mang cho những sinh viên

hoặc không có trình độ hoặc chưa được học tiếng Anh ở trung học phổ thông. Lý do đơn giản là họ thấy bị tụt hậu trước một số bạn bè trong lớp, trong khối có trình độ tiếng Anh cao hơn họ. Thực tế này cũng tạo ra không ít khó khăn cho những giáo viên đứng lớp trực tiếp. Họ thấy khó triển khai những nội dung, phương pháp và thủ thuật dạy học theo dự định, khó quan tâm đến từng cá nhân người học khi trình độ của họ rất chênh lệch nhau.

3. Những nguyên nhân nào dẫn đến chất lượng yếu kém trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN?

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến chất lượng yếu kém trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN, tám nguyên nhân dưới đây có thể là đại diện.

3.1. Chưa có đích và mục tiêu thống nhất cho môn học, chưa xác định trình độ và kỹ năng người học phải đạt được cho từng giai đoạn học tập từ cử nhân đến tiến sĩ. Để một môn học được nằm trong hệ thống các môn học của một chương trình cử nhân hay thạc sĩ, nó phải chịu sự chi phối của mục đích tổng thể (aim), phải có đích (goal) để người dạy và người học hướng tới và phải có các mục tiêu (objectives) cụ thể yêu cầu người học đạt được. Mục đích tổng thể chỉ các nhận định rộng lớn về dự định của giáo dục. Đó là những nhận định chứa đựng các giá trị, được viết ra bởi một ban, một ủy ban hoặc một nhóm các nhà lập chính sách. Mục đích tổng thể thể hiện triết lý giáo dục và các quan niệm về vai trò xã hội của nhà trường và các nhu cầu của người học. Về thực chất, mục đích tổng thể là những hướng dẫn khái quát để biến các nhu cầu của xã hội thành các chính sách giáo dục. Đích là việc biến các mục đích tổng thể thành những nhận định mà một cơ

sở đào tạo có nhiệm vụ phải hoàn thành. Đích giúp tổ chức những kinh nghiệm học tập theo những gì cơ sở đào tạo nhấn mạnh trên cơ sở hệ thống. Mục tiêu là những mô tả về những gì cuối cùng xảy ra cho một môn học cụ thể. Chúng cụ thể hóa nội dung và trình độ (kiến thức, kỹ năng và thái độ) người học phải đạt được trên cơ sở hành vi (người học phải đạt được những gì, đến đâu, thay đổi thái độ như thế nào trong quá trình và sau khi hoàn thành môn học, v.v...). (Chi tiết hơn về ba khái niệm mục đích, đích và mục tiêu, xin xem [4]). Đích và mục tiêu có quan hệ khăng khít với nhau. Đích có vai trò định hướng cho việc phân chia các giai đoạn giảng dạy và đề xuất những mục tiêu cho từng giai đoạn để đạt được đích. Mục tiêu có vai trò hướng dẫn việc lựa chọn những nội dung (dạy cái gì?) và phương pháp giảng dạy môn học (dạy như thế nào?) cho từng giai đoạn giảng dạy. Vậy đích của học tiếng Anh không chuyên và mục tiêu của các môn học tiếng Anh trong từng giai đoạn học tập và trong từng bậc học từ cử nhân đến tiến sĩ ở ĐHQGHN là gì?

Nghiên cứu các văn bản hiện hành ở ĐHQGHN cho thấy cho đến thời điểm này ĐHQGHN chưa có đích cho môn học. Đích của học tiếng Anh mới chỉ thể hiện một cách rất gián tiếp, mờ nhạt trong các văn bản của ĐHQGHN, chẳng hạn như phần đầu đến năm 2015 có khoảng 15% số bài giảng bằng ngoại ngữ, v.v... Về mục tiêu, có thể nói rằng trong các đơn vị được ĐHQGHN giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh từ bậc cử nhân đến tiến sĩ, chưa có đơn vị nào có mục tiêu giảng dạy một cách hiển ngôn cho môn tiếng Anh. Ba tài liệu duy nhất đề cập đến mục tiêu dạy tiếng Anh nhưng dường như không có mối liên hệ với nhau nhiều là *Thực trạng đào tạo ngoại ngữ không chuyên các ngành khoa học xã hội nhân văn: đề xuất giải pháp và chương trình*

chi tiết - đề tài nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp Đại học Quốc gia Hà Nội của Vũ Thị Ninh và các tác giả khác [5], *Đề cương môn tiếng Anh nâng cao* (4 tín chỉ) và *Đề cương môn tiếng Anh chuyên ngành nâng cao* (3 tín chỉ) do Khoa Sau Đại học, ĐHQGHN; Bộ môn ngoại ngữ, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; Bộ môn ngoại ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn biên soạn, và Khoa Sau Đại học, ĐHQGHN ban hành. *Thực trạng đào tạo ngoại ngữ không chuyên các ngành khoa học xã hội nhân văn: đề xuất giải pháp và chương trình chi tiết* của Vũ Thị Ninh và các tác giả khác mới chỉ đề cập đến mục tiêu đào tạo tiếng Anh ở bậc cử nhân của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo hai giai đoạn cơ sở (gồm 20 đơn vị học trình) và chuyên ngành (8 đơn vị học trình), tính đại diện của đề tài không lớn, chưa che phủ được các mảng kiến thức và kỹ năng người học cần phải đạt được trong từng giai đoạn học tập, đặc biệt là sau mỗi học kì. Hơn nữa, liệu những mục tiêu này có được áp dụng vào thực tế giảng dạy ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hay được biến thành những quyết định hành chính để thực hiện hay không vẫn chưa được khẳng định. Những mục tiêu trong *Đề cương môn tiếng Anh nâng cao* và *Đề cương môn tiếng Anh chuyên ngành nâng cao* do Khoa Sau Đại học, ĐHQGHN ban hành chưa thực sự có cơ sở khoa học vững chắc, bởi vì chúng chưa được kế thừa từ những mục tiêu đề ra cho môn học ở bậc đại học, và do đó, không phản ánh đúng những mức độ về kiến thức và kỹ năng người học yêu cầu phải đạt được cho mỗi môn học.

Khi nói đến chương trình, có người nhầm tưởng đó là đề cương môn học. Những người khác lại hiểu đó là khung thời lượng dành cho môn học. Đối với môn tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN, người ta mới chỉ thấy

khung thời lượng bao gồm 28 đơn vị học trình (tương ứng với 420 tiết trên lớp theo phương thức đào tạo truyền thống) hay 14 tín chỉ (tương ứng với 630 tiết tiếp xúc trên lớp theo phương thức đào tạo tín chỉ). Khung chương trình tổng thể cho hệ thống các môn học này từ bậc đại học đến bậc tiến sĩ chưa được thiết kế một cách thống nhất, thiếu tính kế tục giữa các giai đoạn học tập và các cấp học. Theo Trần Thị Nga [6] và Lâm Quang Đông [7], trong tổng số 420 tiết được phân bổ cho môn tiếng Anh, ngữ vựng đại cương hay tiếng Anh chung chiếm khoảng 300 tiết và ngữ vựng chuyên ngành hay tiếng Anh chuyên ngành chiếm khoảng 120 tiết. Tuy nhiên, dạy bao nhiêu tiết và dạy ở học kỳ nào, mỗi học kỳ bao nhiêu tiết không được thực hiện thống nhất trong các đơn vị đào tạo ở ĐHQGHN. Trong khi ở bậc cử nhân Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (trừ Khoa Quốc tế, Khoa Du lịch và Khoa Đông phương) và Trường Đại học Ngoại ngữ thực hiện dạy 420 tiết trong đó 300 tiết dành cho tiếng Anh chung và 120 tiết dành cho tiếng Anh chuyên ngành thì Trường Đại học Khoa học Tự nhiên lại phân bổ thời lượng theo một cách khác. Ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên từ năm 2005 trở về trước, tổng số thời lượng dành cho môn tiếng Anh là 420 tiết trong đó tiếng Anh chung được dạy 90 tiết ở học kỳ I, 105 tiết ở học kỳ II, 105 tiết học kỳ III, và tiếng Anh chuyên ngành được dạy 60 tiết ở học kỳ IV và 60 tiết ở học kỳ V. Từ 2005 đến 2007, số tiết dành cho môn tiếng Anh giảm xuống còn 300 trong đó tiếng Anh chung được dạy 90 tiết ở học kỳ I, 90 tiết ở học kỳ II, 60 tiết ở học kỳ III, và tiếng Anh chuyên ngành được dạy 60 tiết ở học kỳ IV.

Một điểm quan trọng đáng lưu ý nữa là, cho đến tận thời điểm này, dạy tiếng Anh như là một môn học ở ĐHQGHN vẫn còn đang lúng túng, chưa xác định được trình độ

đầu ra tổng thể cho môn học; những nội dung, những kỹ năng nào của tiếng Anh người học cần và phải học ở từng giai đoạn học tập (từng học kỳ) và ở từng bậc học (từ cử nhân đến cao học và đến tiến sĩ) vẫn chưa được thể hiện một cách hiển ngôn. Những câu hỏi sau đây hoặc chưa được trả lời hoặc vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng: học tiếng Anh ở các trường đại học để phục vụ cho mục đích giao tiếp thông thường hay để phục vụ cho mục đích học chuyên môn? Học tiếng Anh để phục vụ cho mục đích giúp người học đi học nước ngoài hay để giúp họ tìm việc làm trong các cơ quan trong nước và các văn phòng đại diện nước ngoài ở trong nước? Học tiếng Anh để phục vụ cho mục đích nghiên cứu hiện tại và tương lai hay chỉ để thi đỗ môn học? Kỹ năng nào, nghe hay nói, đọc, viết và khôi kiến thức nào của tiếng Anh, ngữ âm hay ngữ pháp, từ vựng được ưu tiên trong dạy tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN? Đây không phải là thế lưỡng đao mà là thế đa đao đôi với dạy - học tiếng Anh như là một môn học trong môi trường ngoại ngữ ở ĐHQGHN. Người ta sẽ rất khó có câu trả lời thỏa đáng cho tất cả những câu hỏi này bởi chúng thể hiện những xu hướng dạy tiếng Anh khác nhau, đôi khi đôi lập nhau. Nếu cho rằng học tiếng Anh ở bậc đại học trở nên là để giao tiếp thông thường thì chắc chắn sẽ gặp phải những ý kiến không đồng tình cho rằng nếu mục đích học chỉ để giao tiếp thuần túy thì chẳng cần gì phải tổ chức học tiếng Anh ở bậc đại học, và công việc tốt nhất đôi với một sơ sở đào tạo đại học là gửi sinh viên ra một trung tâm học ngoại ngữ nào đó, quy định trình độ và kỹ năng họ phải đạt được và nếu họ mang được chứng chỉ theo yêu cầu về trình độ là họ sẽ đỗ và được tính tín chỉ cho môn học dài hơi này. Trái lại, nếu cho rằng học tiếng Anh ở đại học là để phục vụ cho mục đích nghiên cứu thì điều kéo

theo tất yếu sẽ là người học chỉ nên được dạy các kỹ năng đọc hiểu các văn bản khoa học liên quan đến chuyên môn, khối lượng cấu trúc ngữ pháp và số lượng từ vựng đủ để đọc hiểu các văn bản đó. Lí do là vì giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp khẩu ngữ (nghe và nói) và giao tiếp chủ động (nói và viết) có lẽ không phải là mục tiêu chính của học ngoại ngữ phục vụ cho các mục đích nghiên cứu trong môi trường ngoại ngữ, đặc biệt là khi ngoại ngữ chỉ được học như là một môn học. Và nếu cho rằng dạy tiếng Anh là để giao tiếp về chuyên ngành của người học thì có thể là một chủ trương không tưởng, bởi lẽ chỉ với một lượng thời gian lên lớp theo quy định hiện tại (210 tiết tiếp xúc trên lớp giữa người dạy và người học cho bậc cử nhân, 135 tiết tiếp xúc trên lớp cho bậc cao học) thì dạy tiếng Anh sẽ không có cách nào thực hiện được mục tiêu này. Lí do là vì, theo chuẩn chung của quốc tế, để qua được một mức học đối với ngoại ngữ từ trình độ sơ cấp sang trình độ trung cấp chẳng hạn, người học phải có ít nhất từ 300 đến 400 tiết tiếp xúc trên lớp giữa người dạy và người học. Với lượng thời gian tiếp xúc trên lớp dành cho hai bậc cử nhân và cao học ở ĐHQGHN như đã nêu trên và với xuất phát điểm ban đầu không được phân loại trình độ giữa những người học (họ phải học chung một trình độ từ đầu) thì có lẽ sau khi kết thúc chương trình thạc sĩ người học có thể mới chỉ đạt được những kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở giai đoạn cơ bản (elementary level). Để có thể trao đổi hoặc giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh theo gợi ý của nhiều nhà chuyên môn, người học tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN phải được học theo hình thức tăng cường với lượng thời gian dài ít nhất gấp 3 hoặc 4 lần lượng thời gian phân bổ cho môn tiếng Anh ở cả hai bậc cử nhân và cao học cộng lại. Hơn nữa, như trên đã đề cập, do

đích môn học và mục tiêu của môn học chưa được xây dựng một cách hiển ngôn, những gì người học cần và phải học chưa được xác định rõ ràng, cho nên điều kéo theo tất yếu là người dạy dường như bị mất phương hướng, không biết việc mình dạy đã đạt được những mục tiêu đề ra cho môn học hay chưa, việc mình sử dụng được phương pháp giảng dạy có phù hợp với bản chất của môn học hay chưa, và quan trọng hơn, không biết cách đánh giá trình độ và kỹ năng tiếng Anh của sinh viên của mình có đúng hay chưa.

3.2. *Giáo trình tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN chưa được biên soạn một cách có hệ thống.* Nghiên cứu những giáo trình tiếng Anh được sử dụng hiện hành ở các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQGHN, người ta dễ dàng nhận thấy rằng, do thiếu đích môn học và mục tiêu cho từng giai đoạn học tập cho nên nội dung giảng dạy chưa được biên soạn và lựa chọn một cách hợp lí và có hệ thống. Hầu hết các giáo trình tiếng Anh hoặc được lấy nguyên xi hoặc được chỉnh biên từ những giáo trình tiếng Anh do người nước ngoài biên soạn. Việc làm này chủ yếu là do thuận tiện, tính có sẵn của tài liệu ngoài thị trường, không dựa trên nguyên tắc cơ bản của biên soạn giáo trình là phục vụ cho những mục đích học tiếng Anh ở ĐHQGHN nói chung và ở từng cơ sở đào tạo trong ĐHQGHN nói riêng. Trong những giáo trình này, có những nội dung phù hợp với đối tượng người học nhưng cũng có những nội dung hoàn toàn xa lạ với họ. Sự đa dạng, thiếu nhất quán, không phù hợp với đích và những mục tiêu của môn học thể hiện rõ nét nhất trong các giáo trình tiếng Anh chuyên ngành do người nước ngoài biên soạn. Như có thể thấy, tiếng Anh chuyên ngành có nguồn gốc từ những nước nói tiếng Anh từ những năm 60 của thế kỉ trước. Với mục đích thu hút nhiều sinh viên

từ các nước thế giới thứ ba sang học ở cơ sở đào tạo của mình, các trường đại học ở các nước nói tiếng Anh đã phát triển một đường hướng dạy tiếng Anh mới với hi vọng làm giảm nhẹ gánh nặng về ngôn ngữ cho những sinh viên nước ngoài, giúp họ vượt qua những khó khăn trong giao tiếp chuyên môn để họ có thể nghe giảng được bằng tiếng Anh trong ngành học mà họ sẽ theo học. Trong số các ngữ vực tiếng Anh được dạy cho sinh viên nước ngoài trước khi vào học ở các trường đại học trong các nước nói tiếng Anh, tiếng Anh cho khoa học và công nghệ (English for Science and Technology) là ngữ vực được quan tâm nhất ở những năm 1960 và những năm 1970. Sau này, do nhận ra rằng ngữ vực tiếng Anh dành cho khoa học và công nghệ tỏ ra quá khó, không phù hợp và không hoàn toàn thực tế với đối tượng người học cho nên các nhà giáo học pháp ngoại ngữ ở các nước này đã phát triển một đường hướng lựa chọn nội dung giảng dạy mới, sử dụng một ngữ vực tiếng Anh khái quát hơn được gọi là tiếng Anh các mục đích cụ thể (English for specific purposes) hay tiếng Anh chuyên ngành theo cách dịch của một số người Việt Nam, bao gồm nhiều tiểu loại ngữ vực khác nhau như English for Economics (Tiếng Anh cho Kinh tế), English for Finance and Banking (Tiếng Anh cho Tài chính và Ngân hàng), English for Tourism (Tiếng Anh cho Du lịch), v.v... Phong trào dạy tiếng Anh chuyên ngành được du nhập mạnh mẽ vào các nước thế giới thứ ba, đặc biệt là vào Việt Nam từ những năm 1980 của thế kỉ trước bởi những giáo viên được gửi sang học các chương trình sau đại học về dạy tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai/ngoại ngữ ở các nước nói tiếng Anh. Tuy nhiên, dạy tiếng Anh chuyên ngành, mặc dù có tên gọi hấp dẫn, đã gặp không ít khó khăn ở Việt Nam. Nó chỉ có thể có được thành công nào

đó trong khu vực tiếng Anh cho các mục đích nghề nghiệp (English for Occupational Purposes) như tiếng Anh cho du lịch, tiếng Anh cho giao dịch thương mại, tiếng Anh cho kinh doanh, v.v... (về cơ bản vẫn là ngữ vực tiếng Anh chung hay tiếng Anh chuyên ngành đại cương). Bước vào địa hạt của tiếng Anh cho các mục đích khoa học (English for Academic Purposes), đặc biệt là tiếng Anh dành cho các chuyên ngành ở bậc đại học trở nên, thì dạy tiếng Anh chuyên ngành dường như gặp phải thế lưỡng đao. Nếu các trung tâm tiếng Anh (cả trong nước và ngoài nước) có thể dạy thành công ngữ vực tiếng Anh đại cương, tiếng Anh chuyên ngành đại cương và tiếng Anh cho các mục đích nghề nghiệp thì họ dường như không có chỗ đứng trong dạy tiếng Anh cho các mục đích khoa học và tình huống này cũng tương tự đối với chủ trương dạy tiếng Anh cho các mục đích khoa học ở các trường đại học Việt Nam. Khó khăn chủ yếu nằm ở chỗ là cả tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh cho các mục đích học thuật ở các trường đại học Việt Nam đều chưa trả lời được câu hỏi: "Dạy tiếng Anh cho các mục đích khoa học là dạy cái gì, cung cấp từ ngữ liên quan đến ngành khoa học hay dạy những nội dung của ngành học bằng tiếng Anh?". Người ta có thể đúng khi cho rằng không có cái gọi là tiếng Anh cho các mục đích khoa học mà chỉ có tiếng Anh khoa học và do đó dạy tiếng Anh khoa học chính là dạy học khoa học thông qua phương tiện tiếng Anh. Và nếu quan điểm này được chấp nhận thì cái gọi là tiếng Anh chuyên ngành ở các trường đại học Việt Nam nói chung và ở ĐHQGHN nói riêng dường như là một khái niệm bị dẫn nhầm và tiếng Anh khoa học là một cái gì đó người giáo viên ngoại ngữ không thể dạy được. Nó giải thích tại sao ở một số trường đại học Việt Nam như Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học

Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, v.v... người ta chỉ dạy tiếng Anh chung còn tiếng Anh chuyên ngành thì lại được giao cho các giáo viên chuyên môn đảm nhiệm. Đây là một giải pháp tình thế, không có hiệu quả bởi lẽ rất nhiều giáo viên chuyên môn không có đủ trình độ tiếng Anh để dạy, và nếu họ có một trình độ tiếng Anh nào đó thì họ lại không có phương pháp giảng dạy môn học này. Kết quả là, tiếng Anh chuyên ngành dường như không có lí do tồn tại và người ta vẫn không biết sau khi kết thúc một bậc học học tiếng Anh chuyên ngành (cử nhân hoặc thạc sĩ, tiến sĩ) thì trình độ và kĩ năng người học được yêu cầu phải đạt được là bao nhiêu và ở mức nào.

Về giáo trình tiếng Anh chuyên ngành ở ĐHQGHN, cũng có thể đánh giá chung là chưa được biên soạn một cách có hệ thống. Đa số các giáo trình đang sử dụng đều hoặc do người nước ngoài biên soạn hoặc được cải biên đôi chút từ những giáo trình do người nước ngoài biên soạn. Những giáo trình tiếng Anh này được biên soạn từ hai phong trào dạy - học tiếng Anh chuyên ngành ở các nước nói tiếng Anh: tiếng Anh cho các mục đích học thuật (English for academic purposes) và tiếng Anh cho các mục đích cụ thể (English for specific purposes). Việc "mượn" các giáo trình của nước ngoài, đặc biệt là những giáo trình do người bản ngữ biên soạn dường như cũng chỉ là giải pháp tình thế, chưa thực chất trả lời được câu hỏi: "Dạy tiếng Anh chuyên ngành trong môi trường học thuật trong đó tiếng Anh không phải là phương tiện giảng dạy là dạy cái gì, (theo những nội dung mà các giáo trình tiếng Anh do người nước ngoài biên soạn hay theo những nội dung mà những người biên soạn chương trình của ĐHQGHN thiết kế ra) và dạy như thế nào (theo phương pháp dạy tiếng Anh chuyên ngành do các nhà giáo học

pháp tiếng Anh chuyên ngành ở các nước nói tiếng Anh phát triển hay theo phương pháp giảng dạy do các nhà giáo học pháp tiếng Anh của ĐHQGHN phát triển để phục vụ mục đích và các mục tiêu của môn học trong môi trường ngoại ngữ?" Hơn nữa, việc lựa chọn các giáo trình tiếng Anh cho các mục đích học thuật do người nước ngoài biên soạn dường như chưa tính đến các yếu tố như mục đích của người biên soạn giáo trình, những mục tiêu mà họ đặt ra cho giáo trình, sự khác nhau giữa dạy tiếng Anh cho các mục đích học thuật cho sinh viên nước ngoài được học ở các nước nói tiếng Anh (tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai) với tiếng Anh cho các mục đích học thuật cho sinh viên các trường đại học ở các nước không nói tiếng Anh như ở ĐHQGHN chẳng hạn (tiếng Anh như là ngoại ngữ), sự khác nhau giữa học tiếng Anh để rồi tiếng Anh sẽ được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường học thuật với học tiếng Anh để rồi tiếng Anh chỉ được sử dụng để phục vụ cho các mục đích nghiên cứu, v.v...

3.3. Lớp học không đạt chuẩn, số sinh viên trong một lớp học tiếng Anh đông, phương tiện hỗ trợ dạy học nghèo nàn, thiếu môi trường thực hành. Trừ một số lớp học của Trường Đại học Ngoại ngữ, hầu hết các lớp học tiếng Anh ở các đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHQGHN không đạt chuẩn, không được thiết kế cho dạy ngoại ngữ, không cách âm, chất lượng âm học tối, bàn ghế được sắp xếp theo truyền thống, giáo viên ngồi trên bục đối diện với sinh viên, chỉ phù hợp cho phương pháp thuyết trình, không phù hợp cho phương pháp dạy học tương tác. Đặc biệt là, với mục đích giảm thiểu những hỏng hóc do sinh viên có thể gây ra, một số đơn vị đào tạo thậm chí còn bắt vít bàn ghế xuống đất, làm cho các cách tổ chức học tập theo cặp, theo nhóm -

những hình thức tổ chức lớp học điển hình cho phương pháp dạy học tương tác và cũng điển hình cho đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp trong ngoại ngữ - trở thành việc làm không thể. Bổ sung vào khó khăn về cơ sở vật chất là số lượng sinh viên quá đông trong một lớp học, thiết bị dạy tiếng Anh và nguồn học liệu để tham khảo nghèo nàn. Điều tra của nhóm nghiên cứu thuộc Đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN, Mã số QGTĐ 0511 ở các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN cho thấy số sinh viên trong một lớp tiếng Anh khoảng 35 - 40, thường gấp hơn hai lần số sinh viên của một lớp học ngoại ngữ chuẩn; thiết bị giảng dạy tiếng Anh trong lớp chủ yếu vẫn là bảng, phấn (bút phốt) và máy cát xét. Một điểm đáng chú ý khác là hầu như không có đơn vị đào tạo nào có những cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn học liệu bổ sung để hỗ trợ riêng biệt cho việc tự học tiếng Anh của sinh viên.

3.4. *Giáo viên chưa được đào tạo để dạy tiếng Anh không chuyên và tiếng Anh chuyên ngành.* Theo thống kê mới nhất vào cuối năm 2007, số giáo viên dạy tiếng Anh chuyên ngành của các đơn vị trong ĐHQGHN cả biên chế và hợp đồng là 139 bao gồm Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên 35; Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn 45; Khoa Ngoại ngữ Chuyên ngành, Trường Đại học Ngoại ngữ 35; tổ Ngoại ngữ hai, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh-Mĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ 14, và Khoa Sau đại học, ĐHQGHN 10. Trong số 139 giáo viên có 4 giáo viên có trình độ tiến sĩ (hầu hết được đào tạo trong nước), 60 giáo viên có trình độ thạc sĩ (phần đông được đào tạo trong nước), số còn lại hoặc đang theo học thạc sĩ hoặc mới chỉ có bằng cử nhân tốt nghiệp từ các trường đại học trong nước như Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, Trường Đại học Hà Nội, Viện Đại học Mở Hà

Nội, v.v... Trong khi học ở trường đại học, những giáo viên này được dạy theo phương pháp dạy tiếng Anh chuyên (tiếng Anh như là một ngành học) chủ yếu thuộc ngữ vực tiếng Anh đại cương. Họ chưa được đào tạo để dạy tiếng Anh không chuyên (tiếng Anh như là một môn học), đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành. Chính vì vậy, khi được giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh không chuyên cho sinh viên ở các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN, nhiều giáo viên tỏ ra lúng túng về phương pháp, nhất là phương pháp dạy tiếng Anh chuyên ngành. Một số giáo viên sử dụng phương pháp dạy tiếng Anh chuyên, nói tiếng Anh trong suốt giờ học, giảng giải những vấn đề về kiến thức ngữ pháp, cách sử dụng từ, ngữ pháp tiếng Anh, tập trung quá nhiều vào giao tiếp khẩu ngữ với những hoạt động giao tiếp giống như dạy sinh viên chuyên ngữ, không thấy rõ một thực tế là trình độ tiếng Anh của người học còn rất thấp, lượng thời gian vật chất không đủ để họ có thể giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Kết quả là, nhiều sinh viên hoang mang, lo sợ, dẫn đến học đôi phó, không học tiếng Anh để giao tiếp mà chỉ học với mục đích để đỗ thi.

Khó khăn thực sự nảy sinh khi giáo viên tiếng Anh không chuyên được giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh chuyên ngành. Đối với một số ngành khoa học xã hội và nhân văn, vấn đề dường như không nổi cộm vì dù sao giáo viên cũng có thể có một chút kiến thức sơ giản về chúng. Tuy nhiên, khi được giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh cho các ngành "khoa học cứng" (hard sciences) như toán, lí, hóa, v.v... thì họ thực sự phải đánh vật với một đối thủ không cân sức. Lí do là vì cho dù nhan đề của môn học tiếng Anh có là *English for IT Students* (Tiếng Anh dành cho Sinh viên ngành công nghệ thông tin), hay *English for Students of Mathematics* (Tiếng Anh dành cho

sinh viên ngành toán), hay *English for Students of Physics* (Tiếng Anh dành cho sinh viên ngành vật lý) đi chăng nữa thì cái ngôn ngữ hay ngữ vực tiếng Anh mà họ phải dạy vẫn là những nội dung của chuyên ngành nằm ngoài tầm với hay sự hiểu biết của họ. Trong khi đó, những nội dung được dạy có thể đã được sinh viên biết rất rõ thông qua học các môn chuyên môn bằng tiếng Việt, không cần phải học bằng tiếng Anh thì họ mới biết.

3.5. Chưa xử lí đúng mối quan hệ giữa mục đích, động cơ, nhu cầu và mong muốn học tiếng Anh của sinh viên. Nghiên cứu của nhóm nghiên cứu thuộc Đề tài trọng điểm cấp ĐHQGHN, Mã số QGTĐ 0511 cho thấy rằng sinh viên ĐHQGHN có mục đích, nhu cầu và mong muốn học tiếng Anh hết sức đa dạng. Trong số 4663 phiếu hỏi thu được với câu hỏi liên quan đến mục đích, động cơ và nhu cầu học tiếng Anh ở trường đại học: "Xin anh/chị cho biết mục đích của anh/chị học tiếng Anh để làm gì?" 1930 phiếu (khoảng 41,4%) trả lời để *đỗ trong các kì kiểm tra/thi*, 1868 phiếu (khoảng 35,8%) trả lời để *tiếp tục nghiên cứu sau khi tốt nghiệp đại học*; 960 phiếu (khoảng 20,6%) trả lời để *tìm kiếm cơ hội đi học ở nước ngoài*; 2806 (chiếm khoảng 60,1%) phiếu trả lời để *xin việc làm sau khi tốt nghiệp*; và 2536 phiếu (chiếm khoảng 54,4%) trả lời để *mở rộng sự hiểu biết*. Về mong muốn học tiếng Anh, trong số 4663 phiếu thu được với câu hỏi: "Trong những khu vực dưới đây của tiếng Anh, khu vực nào anh/chị muốn học thêm nhất?" 3758 phiếu (chiếm khoảng 80,6%) trả lời *muốn học thêm kĩ năng nghe nhất*; 3743 phiếu (khoảng 80,2%) trả lời *muốn học thêm kĩ năng nói nhất*; 1896 phiếu (khoảng 40,8% trả lời *muốn học kĩ năng đọc nhất*; 1965 phiếu (khoảng 42,1%) trả lời *muốn học kĩ năng viết nhất*; 1928 phiếu (khoảng 41%) trả lời *muốn học thêm ngữ pháp*

nhất; 1426 phiếu (khoảng 30,6%) trả lời *muốn học thêm từ vựng nhất*; 2213 phiếu (khoảng 47,4%) trả lời *muốn học thêm phát âm nhất*; và 1904 phiếu (khoảng 40,8%) trả lời *muốn học thêm kĩ năng dịch nhất*. Mặc dù đây mới chỉ là những động cơ, nhu cầu và mong muốn chủ quan về phía người học và trong thực tế, nếu đáp ứng được tất cả những gì họ muốn học thì thời lượng và nguồn lực dành cho tiếng Anh phải tăng lên gấp nhiều lần so với thời lượng hiện tại. Tuy nhiên, những gì người học thể hiện trong các câu trả lời là những thông số cần phải được xem xét nghiêm túc khi triển khai môn học. Xử lí đúng mối quan hệ giữa mục đích, động cơ, nhu cầu và mong muốn học tiếng Anh của sinh viên, kết hợp với việc hướng họ theo đích của môn học, cho họ biết những mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn học tập, thiết kế được những nội dung dạy học phong phú và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp nhất định sẽ giúp nâng cao chất lượng học tiếng Anh không chuyên của sinh viên ở ĐHQGHN. (Chi tiết hơn về những điểm này, xin xem [8]).

3.6. Học tiếng Anh dường như không có nhiều liên hệ với phát triển và nâng cao kiến thức chuyên môn của người học. Học ngoại ngữ ở các trường đại học Việt Nam trước hết là cánh cửa để đón các tri thức khoa học và công nghệ của thế giới. Điều này có nghĩa là kết quả của học ngoại ngữ phải tác động tích cực và trực tiếp đến người học; họ phải học để có thể đọc được những tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh và để lấy tư liệu tham khảo cho luận văn hoặc luận án tốt nghiệp của họ. Tuy nhiên, quan sát và trò chuyện với nhiều sinh viên đại học, học viên cao học, và nghiên cứu sinh tiến sĩ cho thấy rằng dường như vẫn còn nhiều cử nhân, thạc sĩ, thậm chí một số tiến sĩ tốt nghiệp mà không cần phải tham khảo các tài liệu của nước ngoài bằng

tiếng Anh. Việc tiếng Anh chỉ là một môn học, không phải là phương tiện để giảng dạy, không được các nhà chuyên môn khuyến khích và yêu cầu người học phải sử dụng để phát triển và đào sâu chuyên môn dẫn đến kết quả là tiếng Anh, mặc dù được xem là ngoại ngữ quan trọng nhất và chiếm một tỉ lệ thời lượng khá lớn trong chương trình của một bậc học, nhưng trong thực tế dường như không thực sự quan trọng trong phát triển chuyên môn của người học. Học tiếng Anh không phục vụ cho mục đích trực tiếp của người học: họ không nghe giảng bằng tiếng Anh, không giao tiếp (thông thường và chuyên môn) bằng tiếng Anh, không đọc những tài liệu chuyên môn và những tài liệu thường thức khác bằng tiếng Anh, và không viết bằng tiếng Anh dẫn đến kết quả là mặc dù nhu cầu, động cơ của người học có thể rất cao nhưng hiệu quả thực tế lại rất thấp, và rút cuộc tiếng Anh vẫn chỉ là một môn học trong hệ thống các môn học của một chương trình ở các trường đại học.

3.7. Có những cách hiểu khác nhau về đánh giá trình độ và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh đầu ra và về môn tiếng Anh trong một chương trình. Có nhiều quan điểm khác nhau về cách đánh giá trình độ và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh đầu ra sinh viên ĐHQGHN cần phải đạt được, nhưng hai quan điểm sau đây chiếm ưu thế. Quan điểm thứ nhất cho rằng cách đánh giá trình độ và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên ĐHQGHN tốt nhất là thông qua một trong hai hệ thống kiểm tra hiện hành và có uy tín trên thế giới: TOEFL (Tests of English as a Foreign Language - Hệ thống kiểm tra tiếng Anh như là một ngoại ngữ) và IELTS (International English Language Testing System - Hệ thống kiểm tra ngôn ngữ tiếng Anh quốc tế). Ngược lại với quan điểm thứ nhất, quan điểm thứ hai chủ trương học

gì thi nấy; nghĩa là, kiểm tra những kiến thức nào người học được học và những kỹ năng nào người học được rèn luyện. Cả hai quan điểm đều gặp phải những khó khăn chưa giải quyết được. Với quan điểm thứ nhất, phải khẳng định rằng chủ trương lấy một trong hai hệ thống kiểm tra TOEFL hoặc IELTS làm chuẩn đánh giá là chủ trương hiện đại, theo thời trang nhưng không phù hợp với thực tế dạy-học tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN. Như có thể thấy, TOEFL và IELTS là hai hệ thống kiểm tra năng lực tiếng Anh tổng thể (proficiency test), dùng để kiểm tra trình độ và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của những thí sinh muốn đi học (đại học hoặc sau đại học) ở các nước nói tiếng Anh. Chúng có mục tiêu, nội dung và định hướng kiểm tra riêng (xem thí sinh có đủ trình độ để nghe giảng và tồn tại trong môi trường dạy, học, và sinh sống bằng tiếng Anh hay không), khác với mục tiêu, nội dung và định hướng kiểm tra tiếng Anh ở các trường đại học Việt Nam (xem người học có thể sử dụng được tiếng Anh để phục vụ cho các mục đích học tập và nghiên cứu trong môi trường trong đó tiếng Việt được sử dụng như là phương tiện giảng dạy và sinh sống hay không). Quan điểm thứ hai dường như có cơ sở khoa học, xuất phát từ bản chất của kiểm tra hết môn học là "kiểm tra thành tựu" (achievement test), không phải là "kiểm tra trình độ tổng thể" (proficiency test). Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, do không có đích và chuẩn đầu ra cho từng giai đoạn học tập và cho toàn bộ môn học, cho nên nội dung kiểm tra thường không ăn khớp với nội dung dạy. Kiểm tra và thi hết từng giai đoạn và hết môn học chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức viết bao gồm đọc, ngữ pháp và dịch, các kỹ năng nói, nghe và viết hầu như bị bỏ qua. Nghiên cứu về hình thức và nội dung bài kiểm tra tiếng Anh không

chuyên ở các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN cho thấy rằng trừ các bài kiểm tra và bài thi tiếng Anh do Khoa Sau Đại học, ĐHQGHN tổ chức, tất cả các đơn vị được giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh khác đều thi kết thúc học kì, kết thúc năm học và kết thúc môn học bằng hình thức viết. Lấy bài thi tiếng Anh hết học kì 6 cho ngành ngôn ngữ học năm học 2007-2008 làm ví dụ. Bài thi có thời gian 120 phút, gồm 60 câu, 15 câu điền từ yêu cầu thí sinh phải có kiến thức ngôn ngữ học thì mới có thể thực hiện được, 10 câu theo dạng tự luận yêu cầu thí sinh trả lời cho bài đọc khoảng 400 từ, 10 câu yêu cầu thí sinh khớp từ với nghĩa hoặc từ đồng nghĩa của chúng, 10 câu điền từ cho một đoạn đọc khoảng 200 từ, 10 câu viết lại, giải thích nghĩa của câu gốc, và 10 câu dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt về chuyên ngành ngôn ngữ học. Với nội dung thi như vậy, thí sinh không có cơ hội để thể hiện khả năng giao tiếp khẩu ngữ, đặc biệt là kĩ năng viết tiếng Anh. Nó lí giải tại sao, mặc dù có thể đã được học ít nhất nhất 300 tiết ở phổ thông và 420 tiết ở bậc cử nhân nhưng sau khi tốt nghiệp đại học (trừ những sinh viên học tiếng Anh theo hệ tại chức hoặc chuyên ngành hai) đa số sinh viên của ĐHQGHN vẫn không thể nghe, nói và viết được bằng tiếng Anh.

Những thước đo chưa hoàn chỉnh kết hợp với những cách hiểu khác nhau về sử dụng thước đo đánh giá trình độ và kĩ năng giao tiếp tiếng Anh đầu ra sinh viên ĐHQGHN dẫn đến kết quả là, những người dạy tiếng Anh bị mất phương hướng, không biết kiểm tra trình độ của người học theo phương thức nào là đúng, là phù hợp. Thực tế cho thấy là khi bài kiểm tra được thiết kế theo hình thức học gì thi nấy thì phần đông thí sinh đạt điểm từ trung bình trở nên, nhưng khi các hệ thống kiểm tra khác như TOEFL hoặc IELTS được áp dụng thì phần

đông thí sinh lại bị điểm thấp hơn so với yêu cầu và, do đó, giáo viên dạy tiếng Anh thường chịu một tiếng xấu, bị dư luận từ bên ngoài giới dạy tiếng Anh quy cho là "trình độ chuyên môn và khả năng giảng dạy kém, không đáp ứng được những yêu cầu của các ngành chuyên môn", và v.v...

Mặt khác, như trên đã đề cập, do không có đích cho môn học và mục tiêu cho từng giai đoạn học tập cho nên tiếng Anh không được chia ra thành những môn học hoặc các nhóm kiến thức, kĩ năng khác nhau. Kết quả là, mặc dù tiếng Anh chiếm 28 đơn vị học tính trong chương trình cử nhân truyền thống 200 - 210 đơn vị học trình hay 14 tín chỉ trong chương trình 120 -140 tín chỉ, 10 đơn vị học trình trong chương trình thạc sĩ truyền thống 80 - 100 đơn vị học trình hay 7 tín chỉ trong chương trình 50 - 60 tín chỉ, nhưng lượng thời gian này được phân chia một cách khá tùy tiện theo học kì, và đặc biệt hơn nữa là, dưới cách nhìn của nhiều người thì toàn bộ tiếng Anh chỉ là một môn học giống như những môn học chuyên môn 2 hoặc 3 tín chỉ khác. Và do không có mục tiêu cho từng giai đoạn học tập cho nên người học không có đích để hướng tới và không cảm thấy những tiến bộ mà họ đạt được. Cái họ cảm thấy rõ nét nhất là họ đã đỗ hoặc trượt một kì thi.

3.8. Thiếu cơ chế khuyến khích dạy - học chuyên môn bằng tiếng Anh. Như trên đã đề cập, nếu chỉ dạy tiếng Anh như là một môn học thì chất lượng đào tạo cho dù có cố gắng đến mấy vẫn chỉ có giới hạn nhất định của nó. Mặc dù nhận ra tầm quan trọng đặc biệt của tiếng Anh trong phát triển khoa học và công nghệ và mặc dù đã có ý tưởng khuyến khích dạy một số môn chuyên môn bằng tiếng Anh, nhưng ĐHQGHN thực sự vẫn đang thiếu một cơ chế khuyến khích phong trào này phát triển. Kinh nghiệm ở một số nước

châu Á như Singapore, Philipin, Thái Lan, và Malaysia cho thấy rằng muốn chất lượng đào tạo tiếng Anh được nâng cao trong các trường đại học thì biện pháp hiệu quả nhất là phải biến các trường đại học thành môi trường song ngữ trong đó tiếng mẹ đẻ dùng làm phương tiện giao tiếp phổ thông và phương tiện giảng dạy các môn thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn đặc thù, tiếng Anh dùng làm phương tiện giao tiếp và giảng dạy các ngành học thuộc khối khoa học tự nhiên và công nghệ. Làm được công việc này đòi hỏi phải có quyết tâm và cố gắng vượt bậc, phải có kế hoạch và lộ trình thực hiện. Để có thể dạy và học chuyên môn bằng tiếng Anh, trước hết cả giáo viên chuyên môn và sinh viên đều phải theo học tiếng Anh một cách bài bản. Trong trường hợp của ĐHQGHN, ngoài những thời lượng quy định của nhà nước cho môn học, vẫn chưa có dự án nào được phát triển để giúp giáo viên chuyên môn và sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, và đặc biệt, chưa có chính sách khuyến khích người dạy và người học học chuyên môn bằng tiếng Anh. Điều này lí giải một phần tại sao mặc dù đã có những cố gắng rất lớn trong dạy tiếng Anh không chuyên, nhưng chất lượng đào tạo môn học này ở các trường đại học Việt Nam nói chung và ở ĐHQGHN nói riêng dường như vẫn đậm chân tại chỗ.

4. Kết luận và một số đề nghị

Trong bài viết này, chúng tôi đã cố gắng trả lời hai câu hỏi liên quan đến chất lượng thấp trong đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN và những nguyên nhân gây ra chất lượng thấp trong môn học này. Những gì trình bày trong bài viết đã chứng minh rằng nhận định cảm tính của một số người cho rằng chất lượng đào tạo môn tiếng Anh

không chuyên còn thấp không phải là nhận định không có căn cứ. Bài viết đã chỉ ra một số nguyên nhân gây ra sự yếu kém trong chất lượng đào tạo môn tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN như thời lượng sinh viên được học tiếng Anh trước khi vào học đại học khác nhau, tiếng Anh không phải là môn thi tuyển đầu, chất lượng đầu vào không đồng đều nhưng không được phân loại để dạy theo nhóm trình độ, chưa có đích môn học và các mục tiêu cho từng giai đoạn học tập và từng cấp học, giáo trình chưa được biên soạn một cách có hệ thống, lớp học chưa đạt chuẩn, số sinh viên trong một lớp học tiếng Anh đông, phương tiện hỗ trợ dạy học còn thiếu, môi trường chưa khuyến khích người học thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh, giáo viên chưa được đào tạo để dạy tiếng Anh không chuyên và tiếng Anh chuyên ngành, chưa xử lí đúng mối quan hệ giữa mục đích, động cơ, nhu cầu và mong muốn học tiếng Anh của sinh viên, học tiếng Anh chưa có nhiều liên hệ với phát triển và nâng cao kiến thức chuyên môn của sinh viên, và thiếu cơ chế khuyến khích dạy-học chuyên môn bằng tiếng Anh. Những nguyên nhân này có liên hệ với nhiều khía cạnh của quá trình dạy học: nhu cầu xã hội, nhu cầu nghề nghiệp, nhu cầu cá nhân, trang thiết bị, tổ chức dạy học, v.v...

Trên cơ sở của những thực trạng đã thảo luận ở trên, để có thể nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở ĐHQGHN, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau đây:

- Triển khai xây dựng một chương trình tiếng Anh không chuyên tổng thể ở ĐHQGHN, bắt đầu từ xác định chuẩn đầu ra khi mọi sinh viên vào đại học đều đã được học tiếng Anh 7 năm ở trung học phổ thông (tương đương với 700 tiết tiếp xúc trên lớp). Trên cơ sở đó xác định người học cần gì và

phải học những kĩ năng và khôi kiến thức và kĩ năng giao tiếp nào trước, khôi kiến thức và kĩ năng giao tiếp nào sau để có thể lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp. (Xin xem thêm [9]). Trong xây dựng chương trình, đích của môn học và các mục tiêu trong từng giai đoạn học tập nên khiêm tốn, phải xuất phát từ những điều kiện, hoàn cảnh, nhân lực, tài lực của trường đại học, không nên chạy theo những mục tiêu bên ngoài.

- Xây dựng chương trình, tổ chức biên soạn các giáo trình, và xây dựng chuẩn đánh giá trình độ tiếng Anh đầu ra chung cho từng giai đoạn, từng cấp học để có thể thực hiện việc liên thông trong dạy, học và kiểm tra - đánh giá trong toàn ĐHQGHN;

- Xây dựng môi trường song ngữ trong học thuật bằng cách dạy các môn học chuyên môn bằng cả hai ngôn ngữ Việt và Anh, khuyến khích và có chế độ khuyến khích những giáo viên chuyên môn có khả năng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh. Trước mắt, khuyến khích dạy chuyên môn bằng tiếng Anh từ năm thứ ba và dạy theo hình thức song ngữ nửa bằng tiếng Anh, nửa bằng tiếng Việt, tiếng Anh có thể được sử dụng trong powerpoint, tiếng Anh và tiếng Việt có thể được sử dụng xen kẽ trong khi giảng bài. Xây dựng lộ trình cụ thể để sau một thời gian nào đó, các môn học, đặc biệt là các môn học thuộc các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị kinh doanh, v.v... được dạy thông qua tiếng Anh. Xây dựng môi trường tiếng Anh học thuật trong trường đại học sao cho cả người dạy và người học đều thấy có nhu cầu giao tiếp bằng tiếng Anh, biến tiếng Anh thành công cụ làm việc hàng ngày. Phấn đấu để môn học nào dạy được bằng tiếng Anh thì khuyến khích và triển khai dạy luôn.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho

giáo viên tiếng Anh để họ có thể tiếp cận với các chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy mới, thu nhận thêm kiến thức và các kĩ năng giảng dạy cần thiết để đáp ứng những nhu cầu của một thế giới đang thay đổi nhanh chóng và có thể thực hiện được những đích và mục tiêu dạy tiếng Anh chung và tiếng Anh chuyên ngành có hiệu quả ở ĐHQGHN.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực tiếng Anh cho giáo viên các khoa chuyên môn để họ có thể dạy các môn học, đặc biệt là các môn học thuộc khối ngành tự nhiên, kinh tế, quản trị kinh doanh và công nghệ bằng tiếng Anh;

- Có kế hoạch đầu tư xây dựng các lớp học ngoại ngữ chuẩn, có chất lượng âm thanh tốt, bổ sung trang thiết bị và những phương tiện hỗ trợ dạy học tiếng Anh, tạo môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh để tiếng Anh thực sự là ngôn ngữ thứ hai trong môi trường học thuật ở ĐHQGHN, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin vào dạy và học tiếng Anh.

- Thành lập hoặc chỉ định một đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng một ngân hàng đề thi chuẩn phục vụ cho việc kiểm tra chất lượng tiếng Anh đầu vào (để giúp phân loại trình độ người học, sắp xếp người học vào những nhóm trình độ phù hợp để có thể xây dựng kế hoạch dạy theo từng nhóm trình độ) và chất lượng đầu ra của sinh viên đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh tiến sĩ trong toàn ĐHQGHN.

Điều thường có thể thấy trong thực tế dạy học là cho dù người dạy có thể dạy bất kì nội dung khó nào liên quan đến môn học, sử dụng bất kì phương pháp xa lạ nào để truyền đạt những nội dung ấy sang người học, thì người học vẫn có thể thu nhận được; chỉ có điều là những nội dung và phương pháp người dạy sử dụng có thực sự phù hợp hay không, người học có thể tiếp thu được một

cách hiệu quả nhất hay không mới là những vấn đề cần phải quan tâm. Một điểm khác cần phải lưu ý ở đây là nội dung và phương pháp giảng dạy, đặc biệt là phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập một môn học phải dựa vào đích và những mục tiêu đề ra cho môn học đó. Khi chất lượng đào tạo một môn học thấp thì phải xem lại đích và các mục tiêu của nó; nếu đích và các mục tiêu hiện tại còn thấp thì phải có kế hoạch nâng lên, không nên chạy theo đích và mục tiêu từ bên ngoài, đặc biệt không nên sử dụng những thước đo từ bên ngoài, không phù hợp với chuẩn đánh giá của môn học trong hoàn cảnh hiện tại. Chỉ có cách nhìn tự tin như vậy thì mới có thể xây dựng được đích và mục tiêu phù hợp cho môn học phù hợp, mới có thể thiết kế được những nội dung giảng dạy và mới có được phương pháp giảng dạy phù hợp cho môn học. Và chỉ có như vậy thì chúng ta mới hi vọng nâng cao được chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên, đáp ứng nhu cầu hội nhập giáo dục đại học khu vực và toàn cầu hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Văn Vân, Ngoại ngữ không chuyên ở các trường đại học Việt Nam: Dạy ngoại ngữ đại cương, dạy ngoại ngữ chuyên ngành hay kết hợp cả hai?, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Ngoại ngữ 23 (2007) 181.
- [2] Nguyen Thanh Van, *In Search of Solutions to Improving the English Language Proficiency for Under-graduate Students at the College of Technology (COLTEC), Vietnam National University, Hanoi*, Unpublished MA Thesis, College of Foreign Languages, VNU, Hanoi, 2006.
- [3] Nguyễn Thanh Vân, Nghiên cứu hiện trạng dạy - học ngoại ngữ ở Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Ngoại ngữ 23 (2007) 138.
- [4] A.C. Ornstein, T.J. Lasley, *Các chiến lược để dạy học có hiệu quả* (Bản dịch của Ban Đào tạo - ĐHQGHN), 2000.
- [5] Vũ Thị Ninh et al., *Thực trạng đào tạo ngoại ngữ không chuyên các ngành khoa học xã hội nhân văn: đề xuất giải pháp và chương trình chi tiết*, Đề tài nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QG. 03. 20, 2006.
- [6] Trần Thị Nga, Dạy ngoại ngữ ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Ngoại ngữ 23 (2007) 149.
- [7] Lâm Quang Đông, Đào tạo ngoại ngữ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Ngoại ngữ 23 (2007) 172.
- [8] Hoàng Văn Vân, Nhu cầu và động cơ học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Ngoại ngữ 23, Số 2S (2007b) 125.
- [9] Dương Đức Niệm et al., *Nội dung và phương pháp dạy ngoại ngữ tại các trường không chuyên ngữ trong Đại học Quốc gia Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QG. 01. 20, 2004.

Factors affecting the quality of English education at Vietnam National University, Hanoi

Hoang Van Van

*School of Graduate Studies, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This article attempts to explain why the quality in English education at VNU, Hanoi is still poor. Two questions are raised for exploration: "Is the quality of English education at VNU, Hanoi really poor?" If so, "What are the causes for this low quality?" To answer the first question, the paper presents part of the research carried out by the Pivotal Project Team, Code QGTD051 in the academic year 2006 - 2007. And to answer the second question, the paper provides in some depth a situation analysis of the current state of English education at VNU, Hanoi, highlighting the factors that result in the poor quality of the subject. In the final section, the paper offers some recommendations for raising the quality of English education at VNU, Hanoi in order to meet the needs of regional integration and globalization of Vietnamese higher education in general and of VNU, Hanoi in particular.